UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục 02

TỔNG HỢP DANH SÁCH, KINH PHÍ THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số: 1314 /QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1.000 đồng)	Bao gồm	
			Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	*Ngân sách nhà nước cấp*
A	*B*	*1=2+3*	*2*	*3*
	TỔNG CỘNG	**1.127.577,000**	**179.887,000**	**947.690,000**
I	**CẤP TỈNH**	**1.059.383,000**	**179.887,000**	**879.496,000**
1	Văn phòng UBND tỉnh	272.642,000	0,000	272.642,000
2	Sở Y tế	335.395,000	144.226,000	191.169,000
3	Ban Quản lý Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn	451.346,000	35.661,000	415.685,000
II	**CẤP HUYỆN**	**68.194,000**	**0,000**	**68.194,000**
1	UBND huyện Hữu Lũng	68.194,000	0,000	68.194,000

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục 02a

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

Thời điểm nghỉ: 01 tháng 4 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1314 /QĐ-UBND ngày19/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tính giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số / Làm tròn	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (01)																										**272.642,000**	**0,000**	**272.642,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (01)**																										**272.642,000**	**0,000**	**272.642,000**	
1	**Hoàng Mạnh Hùng**	**11-10-1965**	**Đại học**	**Giám đốc Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh**	**6,78**	**01-01-2025**	**0,70**	**01-01-2025**									**17.503,000**	**11.854,000**	**41,0**		**01-04-2025**	**59- 6/12**	☑				**272.642,000**		**272.642,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức HTNV (năm 2024), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
							0,70	01-01-2025							6,78	01-01-2025		52.510,000												
							0,70	01-07-2024							6,44	01-07-2024		100.246,000												
							0,70	01-07-2023							6,44	01-07-2023		154.224,000												
							0,70	01-07-2022							6,44	01-07-2022		127.663,000												
							0,70	01-01-2022							6,44	01-01-2022		63.832,000												
							0,70	01-04-2020							6,10	01-04-2020		212.772,000												

Danh sách này ấn định 01 người./.

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục 02b

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

Thời điểm nghỉ: 01 tháng 4 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1314 /QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Sở Y tế

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn										
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (02)																										**335.395,000**	**144.226,000**	**191.169,000**	
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (02)**																										**335.395,000**	**144.226,000**	**191.169,000**	
1	**Trần Văn Quyến**	**08-02-1967**	**Trung cấp**	**Y sỹ hạng IV, TYT xã Hội Hoan, TTYT huyện Văn Lãng**	**4,06**	**01-07-2024**					**15%**	**01-07-2024**					**10.925,000**	**7.724,000**	**35,5**		**01-04-2025**	**58- 2/12**	☑				**191.169,000**		**191.169,000**	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét TGBC, 01 năm được đánh giá, xếp loại không HTNV (năm 2023), 01 năm HTNV (năm 2024) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
											15%	01-07-2024			4,06	01-07-2024		98.329,000											
											14%	01-07-2023			4,06	01-07-2023		99.973,000											
											14%	01-01-2023			4,06	01-01-2023		41.378,000											
											13%	01-01-2022			4,06	01-01-2022		82.030,000											
											12%	01-01-2021			4,06	01-01-2021		81.304,000											
											11%	01-04-2020			4,06	01-04-2020		60.434,000											
2	**Đỗ Thị Tốn**	**03-05-1970**	**Trung cấp**	**Kỹ thuật y hạng IV, TTYT huyện Hữu Lũng**	**4,06**	**01-07-2024**					**12%**	**01-07-2024**					**10.640,000**	**7.796,000**	**32,0**		**01-04-2025**	**54- 11/12**	☑				**144.226,000**	**144.226,000**		Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức HTNV (năm 2024), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
											12%	01-07-2024			4,06	01-07-2024		95.764,000											
											11%	01-07-2023			4,06	01-07-2023		97.343,000											
											10%	01-10-2022			4,06	01-10-2022		59.889,000											
							0,40	01-07-2022			10%	01-07-2022			4,06	01-07-2022		21.751,000											
							0,40	01-07-2021			9%	01-07-2021			4,06	01-07-2021		86.278,000											
							0,40	01-07-2020			8%	01-07-2020			4,06	01-07-2020		85.552,000											
							0,40	01-04-2020			7%	01-04-2020			4,06	01-04-2020		21.207,000											

Danh sách này ấn định 02 người./.

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục 02c

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

Thời điểm nghỉ: 01 tháng 5 năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 1314 /QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Ban Quản lý Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch bậc trước liền kề		Tiền lương hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp KV 0,7			Nghỉ hưu trước tuổi	chuyển sang làm việc tại các TC không sử dụng KPTX từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, quỹ hỗ trợ lao động dôi dư (1000 đồng)	Ngân sách nhà nước cấp (1000 đồng)	
																			Làm tròn											
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*
	TỔNG CỘNG (01)																										**451.346,000**	**35.661,000**	**415.685,000**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (01)**																										**451.346,000**	**35.661,000**	**415.685,000**	
1	**Lê Văn Thắng**	**10-08-1975**	**Thạc sỹ**	**Chuyên viên Phòng Quản lý hạ tầng**	**5,08**	**01-07-2024**											**11.887,000**	**9.394,000**	**29,5**		**01-05-2025**	**49- 9/12**			☑		**451.346,000**	**35.661,000**	**415.685,000**	Có 01 năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC được đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức HTNV (năm 2024), cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
															5,08	01-07-2024		118.872,000												
															5,08	01-01-2024		54.864,000												
							1,00	01-07-2023							5,08	01-07-2023		65.664,000												
							1,00	01-02-2022							5,08	01-02-2022		154.006,000												
							0,70	01-05-2020							4,74	01-05-2020		170.218,000												

Danh sách này ấn định 01 người./.

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Phụ lục 02d

TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỐI TƯỢNG CÁN BỘ CẤP XÃ
THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP

(Từ ngày 01 tháng 12 năm 2024)

(Kèm theo Quyết định số: 1314 /QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: UBND huyện Hữu Lũng

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh, chức vụ đang đảm nhiệm	Hệ số phụ cấp hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Thời điểm nghỉ tinh giản biên chế	Thời điểm kết thúc nhiệm kỳ	Số tháng nghỉ trước nhiệm kỳ	Mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng	Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1.000 đồng)	Lý do tinh giản	Ghi chú
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
	TỔNG CỘNG (01)											
1	Nguyễn Tuấn Dự	10-08-1967	Nguyên Chủ tịch Hội Cựu chiến binh thị trấn Hữu Lũng	1,86	0,15	01-12-2024	01/5/2027	29	4.703,000	68.194,000	Dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền (Nghị quyết 1246/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của UBTVQH và PA số 04/PA-UBND ngày 21/11/2024 của UBND huyện Hữu Lũng sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025.	

Danh sách này ấn định 01 người./.